

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
QUẬN CẨM LỆ
TP. ĐÀ NẴNG
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141/2025/QĐST-HNGĐ

C, ngày 24 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ các điều 212, 213 và 397 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các điều 55, 58, 81, 82, 83 và 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 16 tháng 6 năm 2025 tại Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 203/2025/TLST-HNGĐ ngày 02/6/2025 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Mai Văn T, sinh năm 1974; Địa chỉ cư trú: Tổ C, số B B, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng.
- Bà Đỗ Thị Thu D, sinh năm 1989; Địa chỉ cư trú: Tổ C, số B B, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Mai Văn T và bà Đỗ Thị Thu D kết hôn vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng (số 34/2022), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cả hai không cùng quan điểm trong cách nghĩ, cách sống và cách giao tiếp nên thường có lời qua tiếng lại, vợ chồng không còn tình cảm. Nay ông T và bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn.

Xét, mâu thuẫn giữa ông T và bà D đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống không hạnh phúc nên cả hai tự nguyện thuận tình ly hôn. Do vậy, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Mai Văn T và bà Đỗ Thị Thu D là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] *Về quan hệ con chung*: Ông Mai Văn T và bà Đỗ Thị Thu D xác nhận ông bà có 01 con chung là Mai Nhã P, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2023. Ly hôn, ông

T và bà D thỏa thuận bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 7/2025 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T và bà D tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con chung của ông bà.

[3] *Về tài sản chung*: Ông Mai Văn T và bà Đỗ Thị Thu D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về nợ chung*: Ông Mai Văn T và bà Đỗ Thị Thu D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Văn T và bà Đỗ Thị Thu D tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Bà Đỗ Thị Thu D nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Mai Nhã P, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2023. Ông Mai Văn T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 7/2025 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền đi lại chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày bên có quyền có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cấp dưỡng thì phải chịu lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ.

3. Về tài sản chung: Ông Mai Văn T và bà Đỗ Thị Thu D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Mai Văn T và bà Đỗ Thị Thu D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) ông Mai Văn T và bà Đỗ Thị Thu D phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0009869 ngày 02/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, ông Mai Văn T và bà Đỗ Thị Thu D đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :

- VKSND Q. Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS Q. Cẩm Lệ;
- UBND p. Phước Ninh, q. Hải Châu,
thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Lệ Hằng